



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2026: 50.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Công ty có 2 Công ty liên kết gồm:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

Ngành nghề kinh doanh chính: In và phát hành sách.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Bà Lê Quỳnh Trang | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Ông Thừa Phú | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Nguyễn Lê Văn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Huỳnh Ngọc Bảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/03/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thanh Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2025
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Nguyễn Duy Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

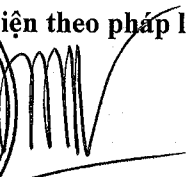
Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

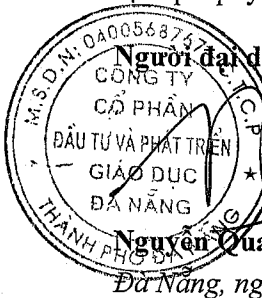
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Người đại diện theo pháp luật
Nguyễn Quang Dũng
Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 855/2026/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 5/8/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

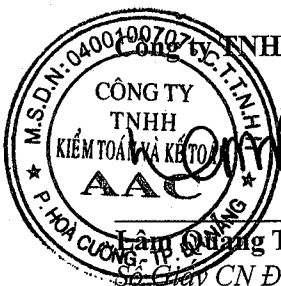
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 01a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.578.891.617	169.601.580.574
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.610.648.521	21.288.110.645
1. Tiền	111		3.084.295.781	3.385.038.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.526.352.740	17.903.072.603
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.120.973.972	6.083.536.986
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(194.045.000)	(168.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6.b	22.077.873.972	2.014.936.986
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.834.882.223	112.854.357.211
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	221.757.164.623	111.610.506.988
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.313.609.284	1.303.609.284
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	892.156.360	839.751.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(1.128.048.044)	(899.511.031)
IV. Hàng tồn kho	140	11	25.050.413.524	28.587.356.283
1. Hàng tồn kho	141		50.891.881.889	53.316.147.996
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(25.841.468.365)	(24.728.791.713)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		961.973.377	788.219.449
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12.a	946.521.665	782.556.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	5.662.813
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	18	15.451.712	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.366.488.883	20.816.052.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.527.328.226	15.244.160.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.458.166.226	7.136.664.226
- Nguyên giá	222		22.344.568.597	22.344.568.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.886.402.371)	(15.207.904.371)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.069.162.000	8.107.496.000
- Nguyên giá	228		8.464.999.000	8.464.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(395.837.000)	(357.503.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		75.600.000	75.600.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	75.600.000	75.600.000
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		4.601.540.013	5.362.518.175
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	6.c	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	6.c	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	6.c	(2.197.959.987)	(1.436.981.825)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		162.020.644	133.774.144
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12.b	162.020.644	133.774.144
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		329.945.380.500	190.417.633.119

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		238.416.319.324	94.094.835.823
I. Nợ ngắn hạn	310		238.416.319.324	94.094.835.823
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	180.374.110.839	62.470.603.722
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.244.489.284	1.380.337.200
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.745.000	320.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	18	835.897.617	1.056.128.081
5. Phải trả người lao động	315		12.346.102.633	5.027.482.800
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	19	42.000.526.110	23.725.899.306
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	20	67.662.650	55.401.416
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		545.785.191	378.663.298
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.529.061.176	96.322.797.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	11.021.818.306	10.499.596.414
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	33.414.603.837	38.730.561.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		30.697.318.064	30.375.011.572
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		2.717.285.773	8.355.550.277
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.945.380.500	190.417.633.119

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC
ĐÀ NẴNG
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

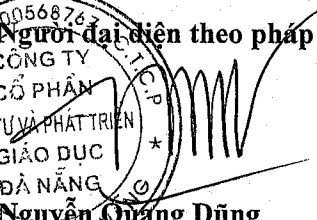
Người lập biểu

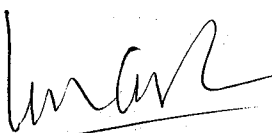
Lê Thị Diệu Hiền

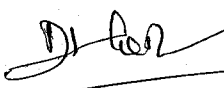
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Mẫu số B 02a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	264.457.815.176	278.983.582.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.183.480.006	145.431.891
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		260.274.335.170	278.838.150.155
4. Giá vốn hàng bán	11	25	216.864.573.359	238.016.590.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		43.409.761.811	40.821.559.650
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	1.109.159.212	2.148.752.608
8. Chi phí tài chính	23	27	2.851.788.039	231.065.065
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	25.240.820.604	19.790.264.746
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	13.073.358.054	13.076.957.182
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.352.954.326	9.872.025.265
12. Thu nhập khác	31		-	1.020
13. Chi phí khác	32		213.776	1.582
14. Lợi nhuận khác	40		(213.776)	(562)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.352.740.550	9.872.024.703
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	635.454.777	1.947.764.607
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.717.285.773	7.924.260.096
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	583	1.616
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	583	1.616

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Quang Dũng
Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026

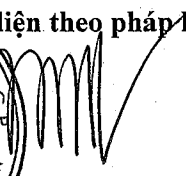
Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

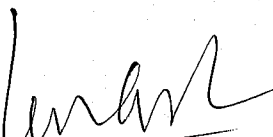
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Mẫu số B 03a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

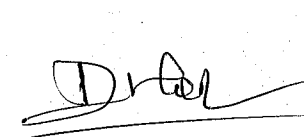
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		144.564.301.040	83.190.591.633
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(89.665.986.337)	(95.581.422.847)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.720.795.361)	(11.452.319.812)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(534.412.814)	(525.645.621)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		581.706.091	275.356.231
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.937.841.832)	(3.030.928.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.286.970.787	(27.124.369.210)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(184.480.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(20.000.000.000)	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,26	1.022.942.089	2.003.238.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.977.057.911)	818.758.481
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(6.987.375.000)	(9.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.987.375.000)	(9.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.322.537.876	(35.624.010.729)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	21.288.110.645	68.203.733.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	35.610.648.521	32.579.722.811

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Nguyễn Quang Dũng
Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/09/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

1.6. Số lượng người lao động: Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 64 người lao động.

1.7. Tính chất so sánh được của các thông tin trên Báo cáo tài chính:

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu/sau ngày 01/01/2026), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Trừ các trường hợp Thông tư số 99/2025/TT-BTC quy định hồi tố, các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính đính kèm được Công ty áp dụng phi hồi tố. Các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán Công ty và ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của Báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 4.2.a)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4.2.b)

Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4.10)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 (bắt đầu từ ngày 01/01/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

4. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

4.1 Các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền chỉ được ghi nhận tại khoản mục “Tiền và tương đương tiền” khi Công ty không bị hạn chế sử dụng các khoản tiền này.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Trước ngày 01/01/2026, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng với các chi phí mua;

Từ ngày 01/01/2026, giá gốc chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khoản cổ tức được chia bằng tiền hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ:

- Đối với chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm cuối kỳ kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ kế toán, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định nhất quán theo phương pháp bình quân gia quyền.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá (các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo số tiền thực chi để mua khoản đầu tư. Trường hợp có phát sinh chiết khấu/phụ trội khi mua, Công ty thực hiện phân bổ khoản chiết khấu, phụ trội đó vào doanh thu hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư. Trường hợp phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty có thể bị tổn thất.

c) Đầu tư vào công ty liên kết; đầu tư góp vốn vào Công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp) trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi, được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khoản phải thu có thể bị tổn thất do khách nợ chết, mất tích, bỏ trốn hoặc khó có khả năng/không có khả năng thanh toán nợ; đã lâm vào tình trạng phá sản; đang làm thủ tục phá sản, giải thể; đang bị truy tố, giam giữ, xét xử; đang thi hành án; đang mắc bệnh hiểm nghèo; đã yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được; đã khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án hoặc các lý do khác,...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty ước tính mức trích dự phòng dựa trên phân tích tuổi nợ cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng xuất kho được xác định số lượng và giá trị theo từng lần phát sinh và hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó vượt trên mức tiêu chuẩn ban đầu. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất là số tiền Công ty đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...)

Các chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được đánh giá một cách chắc chắn, làm tăng lợi ích kinh tế của TSCĐ vô hình so với mức hoạt động ban đầu, thì được phản ánh tăng nguyên giá TSCĐ. Các chi phí khác liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm mua sắm mới, xây dựng mới, sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo...) đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư; chi phí nuôi trồng, chăm sóc tài sản sinh học trong giai đoạn xây dựng cơ bản trước khi trưởng thành. Đây là các chi phí liên quan trực tiếp đến tài sản đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, hoặc đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.8 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán; do đó, cần phân bổ các khoản chi phí này một cách phù hợp từng kỳ. Các chi phí chờ phân bổ chủ yếu tại Công ty gồm:

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán và được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả về cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan.

4.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Cổ phiếu mua lại của chính mình là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức từ các cổ phiếu đã lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được từ các Công ty khác được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn của Công ty được xác lập.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, chi phí đi vay vốn nhưng không được vốn hóa theo quy định, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư tài chính; phần chênh lệch giữa giá mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành cao hơn giá trị ghi sổ của trái phiếu; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; Các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua,...

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ hoặc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, các sản phẩm này được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền không bị hạn chế sử dụng	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	9.408.000	160.725.000
Tiền gửi không kỳ hạn	3.074.887.781	3.224.313.042
- Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.568.854.891	2.752.445.137
- Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.279.001.755	-
- Tại các tổ chức khác	227.031.135	471.867.905
Tương đương tiền	32.526.352.740	17.903.072.603
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	10.006.506.849	10.501.450.685
+ Gốc	10.000.000.000	10.500.000.000
+ Lãi dự thu	6.506.849	1.450.685
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	12.513.339.041	7.401.621.918
+ Gốc	12.500.000.000	7.400.000.000
+ Lãi dự thu	13.339.041	1.621.918
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng	10.006.506.850	-
+ Gốc	10.000.000.000	-
+ Lãi dự thu	6.506.850	-
Cộng	35.610.648.521	21.288.110.645

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	4.237.145.000	4.673.250.000	194.045.000	4.237.145.000	4.637.250.000	168.545.000
+ Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	4.458.750.000	-	3.828.600.000	4.397.250.000	-
+ Các cổ phiếu khác	408.545.000	214.500.000	194.045.000	408.545.000	240.000.000	168.545.000
Cộng	4.237.145.000	4.673.250.000	194.045.000	4.237.145.000	4.637.250.000	168.545.000

(*) Giá trị hợp lý của các chứng khoán đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán được xác định căn cứ vào giá đóng cửa ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (i)	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (i)	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	22.077.873.972	22.077.873.972	-	2.014.936.986	2.014.936.986	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.010.805.479	2.010.805.479	-	2.014.936.986	2.014.936.986	-
+ Gốc	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
+ Lãi dự thu	10.805.479	10.805.479	-	14.936.986	14.936.986	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	20.067.068.493	20.067.068.493	-	-	-	-
+ Gốc	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-
+ Lãi dự thu	67.068.493	67.068.493	-	-	-	-
Cộng	22.077.873.972	22.077.873.972	-	2.014.936.986	2.014.936.986	-

- (i) Ban Tổng giám đốc đánh giá các khoản tiền gửi và lãi dự thu đều có thể thu hồi. Tiền gửi có thể thu hồi được xác định trên cơ sở tiền gốc thực gửi, lãi dự thu xác định theo lãi suất thực tế gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/06/2026				01/01/2026			
Tinh hình hoạt động	Tỷ lệ vốn			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				5.449.500.000	3.521.540.013	1.927.959.987	5.449.500.000	4.012.518.175	1.436.981.825
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng	20,00%		Đang hoạt động	2.530.000.000	2.530.000.000	-	2.530.000.000	2.530.000.000	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (1)	25,92%		Đang hoạt động	2.919.500.000	991.540.013	1.927.959.987	2.919.500.000	1.482.518.175	1.436.981.825
Đầu tư vào đơn vị khác				1.350.000.000	1.080.000.000	270.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	-
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng	8,76%		Đang hoạt động	350.000.000	350.000.000	-	350.000.000	350.000.000	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (2)	2,27%		Đang hoạt động	1.000.000.000	730.000.000	270.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng				6.799.500.000	4.601.540.013	2.197.959.987	6.799.500.000	5.362.518.175	1.436.981.825

(1) (2) Giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu BDB, SMN tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	49.070.115.179	-	20.276.212.970	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	51.096.010.535	-	42.024.047.310	-
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	52.537.679.536	-	11.905.494.132	-
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	26.381.536.122	-	5.233.075.137	-
Các đối tượng khác	42.671.823.251	1.128.048.044	32.171.677.439	899.511.031
Cộng	221.757.164.623	1.128.048.044	111.610.506.988	899.511.031

Nguyên nhân dẫn đến biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ:

- Lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi do quá hạn thanh toán.
- Công ty thu hồi được 12.000.000 đồng nợ gốc được đánh giá khó đòi trong quá khứ. Theo đó, số dự phòng phải thu khó đòi tương ứng đã hoàn nhập là 12.000.000 đồng.

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	20.592.592.459	-	6.429.451.968	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	3.275.773.658	-	2.713.160.788	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	3.300.000	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	166.028.200	-	-	-

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH TM và DV P.C.C.C Nguyễn Nam Hải	869.096.632	-	869.096.632	-
Các đối tượng khác	444.512.652	-	434.512.652	-
Cộng	1.313.609.284	-	1.303.609.284	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	892.156.360	-	839.751.970	-
- Nguyễn Thị Thảo An	160.074.419	-	88.465.579	-
- Phan Minh Nhật	217.824.040	-	3.932.550	-
- Nguyễn Hải Thành Trung	111.812.281	-	8.785.730	-
- Tạm ứng khác	402.445.620	-	738.568.111	-
Cộng	892.156.360	-	839.751.970	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Nguyên nhân dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Nguyên nhân dự phòng
Phải thu khách hàng						
- Công ty CP Gia Lai CTC	121.138.111	-	trên 3 năm	121.138.111	-	trên 3 năm
- Công ty TNHH MTV TM và DV Sách-TB Thành Phát	271.850.175	-	trên 3 năm	271.850.175	-	trên 3 năm
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục Vạn Nhật Tường	86.828.262	-	trên 3 năm	86.828.262	26.048.479	từ 2 năm đến dưới 3 năm
- Các đối tượng khác	1.157.358.422	509.126.926	trên 6 tháng	454.396.642	8.653.680	trên 2 năm
Cộng	1.637.174.970	509.126.926		934.213.190	34.702.159	

11. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.590.642.112	-	1.906.117.715	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.166.440.931	-	3.331.581.272	-
Sản phẩm	10.174.527.130	6.718.630.129	9.087.943.567	5.336.820.488
Hàng hóa	35.960.271.716	19.122.838.236	38.990.505.442	19.391.971.225
Cộng	50.891.881.889	25.841.468.365	53.316.147.996	24.728.791.713

- Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2026.
- Giá trị hàng tồn kho khó tiêu thụ cuối kỳ là 11.022.611.758 đồng. Đây là các loại sách bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bộ Giáo dục chọn bộ sách “kết nối tri thức” làm sách giáo khoa thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027; Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho loại sách này.
- Ngoài ra, dự phòng đã trích lập cho các loại sách khác là 14.929.082.703 đồng (trong đó trích lập bổ sung trong kỳ là 1.112.676.652 đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do một số sách tồn kho phải cập nhật địa danh địa giới hành chính, chỉnh sửa nội dung cần thiết theo quy định của Bộ Giáo dục để phục vụ năm học 2026-2027, nên khả năng tiêu thụ bị hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí chờ phân bổ

a. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	816.275.992	774.982.561
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.800.001	7.574.075
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	126.445.672	-
Cộng	946.521.665	782.556.636

b. Dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm	63.436.894	98.038.852
Phí dịch vụ Cloud server	98.583.750	35.735.292
Cộng	162.020.644	133.774.144

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	15.597.156.733	5.877.228.182	796.303.682	73.880.000	22.344.568.597
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.597.156.733	5.877.228.182	796.303.682	73.880.000	22.344.568.597
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9.994.871.505	4.504.176.183	699.008.683	9.848.000	15.207.904.371
Khấu hao trong kỳ	359.556.000	299.082.000	12.474.000	7.386.000	678.498.000
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.354.427.505	4.803.258.183	711.482.683	17.234.000	15.886.402.371
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	5.602.285.228	1.373.051.999	97.294.999	64.032.000	7.136.664.226
Số dư cuối kỳ	5.242.729.228	1.073.969.999	84.820.999	56.646.000	6.458.166.226

- Không có Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2026.
- Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 4.297.318.724 đồng.
- Danh mục các tài sản chiếm 10% tổng Tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tên tài sản	30/06/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô EXPLORER	2.636.600.000	1.574.617.000	1.061.983.000	2.636.600.000	1.354.903.000	1.281.697.000
Nhà xưởng SGD Hoà Cầm	4.441.934.837	3.433.322.222	1.008.612.615	4.441.934.837	3.322.274.222	1.119.660.615
Nhà xưởng số 2	4.075.776.949	2.484.688.675	1.591.088.274	4.075.776.949	2.382.796.675	1.692.980.274
Nhà 145-147 Lê Lợi - ĐN	5.730.949.017	3.317.361.748	2.413.587.269	5.730.949.017	3.201.609.748	2.529.339.269

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.799.999.000	665.000.000	8.464.999.000
Mua trong kỳ	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.799.999.000	665.000.000	8.464.999.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	357.503.000	357.503.000
Khấu hao trong kỳ	-	38.334.000	38.334.000
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	395.837.000	395.837.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	7.799.999.000	307.497.000	8.107.496.000
Số dư cuối kỳ	7.799.999.000	269.163.000	8.069.162.000

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 315.000.000 đồng.
- Danh mục các tài sản chiếm 10% tổng Tài sản cố định vô hình đang hiện hữu:

Tên tài sản	30/06/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Đất 145-147 Lê Lợi TPĐN	7.799.999.000	-	7.799.999.000	7.799.999.000	-	7.799.999.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Xây dựng cơ bản	75.600.000	75.600.000	75.600.000	75.600.000
+ Chi phí tư vấn thiết kế kỹ thuật điều chỉnh cải tạo hệ thống PCCC	75.600.000	75.600.000	75.600.000	75.600.000
Cộng	75.600.000	75.600.000	75.600.000	75.600.000

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	131.535.290.888	40.790.391.344
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	30.640.226.360	12.878.852.868
Các đối tượng khác	18.198.593.591	8.801.359.510
Cộng	180.374.110.839	62.470.603.722

Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2026	01/01/2026
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	131.535.290.888	40.790.391.344
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	34.170.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	30.640.226.360	12.878.852.868
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	956.356.128	874.558.235
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.488.305.096	2.378.223.736
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	203.592.270
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	578.632.260	788.156.760
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	266.972.429	2.312.763.390
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	74.160.760	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	4.589.050.780	1.069.348.100
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	190.647.600	190.139.500
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	98.677.700
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	436.117.260	321.770.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bên liên quan)	1.743.984.614	920.548.490
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Lam Đạt	183.540.990	142.825.030
Các đối tượng khác	163.680	163.680
Cộng	2.244.489.284	1.380.337.200

18. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026		Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	30/06/2026	
	Phải	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	424.502.132	128.033.730	-	296.468.402
Thuế thu nhập DN	-	438.387.252	635.454.777	534.412.814	-	539.429.215
Thuế thu nhập cá nhân	-	617.740.829	209.980.738	843.173.279	15.451.712	-
Cộng	-	1.056.128.081	1.269.937.647	1.505.619.823	15.451.712	835.897.617

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền phải trả	33.274.720.336	23.725.899.306
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (bên liên quan)	32.738.321.336	23.725.899.306
+ Các đối tượng khác	536.399.000	-
Chi phí vận chuyển, chống in lậu,...	6.248.670.772	-
Các khoản trích trước khác	2.477.135.002	-
Cộng	42.000.526.110	23.725.899.306

20. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	54.273.000	54.956.766
Phải trả khác	13.389.650	444.650
Cộng	67.662.650	55.401.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572	97.285.647.019
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	10.444.437.846	10.444.437.846
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(11.407.287.569)	(11.407.287.569)
Số dư tại 31/12/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	38.730.561.849	96.322.797.296
Số dư tại 01/01/2026	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	38.730.561.849	96.322.797.296
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	2.717.285.773	2.717.285.773
Phân phối lợi nhuận	-	-	522.221.892	(8.033.243.785)	(7.511.021.893)
Số dư tại 30/06/2026	50.000.000.000	(2.907.360.967)	11.021.818.306	33.414.603.837	91.529.061.176

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.988.800.000	9.318.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	38.730.561.849	39.693.411.572
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.717.285.773	10.444.437.846
Phân phối lợi nhuận (*)	8.033.243.785	11.407.287.569
- Phân phối lợi nhuận năm trước	8.033.243.785	9.318.400.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	522.221.892	-
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	522.221.893	-
+ Chia cổ tức cho các cổ đông	6.988.800.000	9.318.400.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	2.088.887.569
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.088.887.569
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	33.414.603.837	38.730.561.849

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 25/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2026.

f. Cổ tức, lợi nhuận

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 25/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2026 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng). Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2025 là ngày 23/01/2026 và đã chi trả cổ tức trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính (tài sản thuê ngoài)

Công ty thuê lại 6.591 m² đất và cơ sở hạ tầng tại đường số 2, Khu công nghiệp Hoà Cầm, Phường Cẩm lệ, Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng thuê lại đất số 38/2010/HĐTLĐ/IZI ngày 16/04/2010 ký với Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm. Mục đích thuê: làm kho chứa sách, vật tư. Thời hạn thuê: 40 năm, từ 22/05/2007 đến hết ngày 22/05/2047 và có thể gia hạn thời gian theo thỏa thuận. Phương thức thanh toán: thanh toán tiền thuê lại đất 20 năm một lần, Công ty đã thanh toán đến 22/05/2027.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tổng doanh thu	264.457.815.176	278.983.582.046
+ Doanh thu sách hỗ trợ, sách giáo khoa	249.071.683.447	264.329.774.264
+ Doanh thu sách tham khảo	14.323.692.780	11.326.365.464
+ Doanh thu hoạt động khác	1.062.438.949	3.327.442.318
Cộng	264.457.815.176	278.983.582.046

b. Doanh thu từ các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	3.181.426.511	4.797.874.289
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	82.390.500	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	345.790.961	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	9.674.500	36.954.500
- Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	89.235.000	110.170.897
- Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	19.882.743	284.324.386
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	685.121.256	12.267.933
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.663.200	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	25.316.814.817	16.565.732.934
- Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	18.790.650	47.131.200
- Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	352.529.504
- Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	1.762.612.870	5.720.905.728
- Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	134.391.600	166.132.800
- Công ty CP Sách - TBTH Thừa Thiên Huế	32.513.296.414	12.552.398.537
- Công ty CP Sách - TBTH Kon Tum	458.415.040	1.680.163.640
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	246.575.700	40.032.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Hàng bán bị trả lại	4.183.480.006	145.431.891
+ Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ, sách giáo khoa	4.040.220.113	70.003.320
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	86.290.750	-
+ Hàng bán bị trả lại khác	56.969.143	75.428.571
Cộng	4.183.480.006	145.431.891

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	215.751.896.707	229.479.836.976
+ Giá vốn sách hỗ trợ, sách giáo khoa	204.395.941.553	217.932.157.433
+ Giá vốn sách tham khảo	11.055.074.525	9.194.691.289
+ Giá vốn hoạt động khác	300.880.629	2.352.988.254
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.112.676.652	8.536.753.529
Cộng	216.864.573.359	238.016.590.505

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	229.409.212	902.136.358
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	879.750.000	985.865.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	260.751.250
Cộng	1.109.159.212	2.148.752.608

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lãi mua hàng trả chậm	2.065.309.877	-
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	205.808.944
Dự phòng/(Hoàn nhập) đầu tư tài chính	786.478.162	10.500.000
Chi phí tài chính khác	-	14.756.121
Cộng	2.851.788.039	231.065.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	6.784.086.076	4.458.502.693
Chi phí nhân viên bán hàng	9.124.143.408	7.281.526.699
Các khoản khác	9.332.591.120	8.050.235.354
- Chi phí khấu hao	353.172.000	324.702.000
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	2.787.007.919	2.747.869.799
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	4.973.730.982	3.965.327.355
- Chi phí khác	1.218.680.219	1.012.336.200
Cộng	25.240.820.604	19.790.264.746

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	799.252.692	1.376.931.751
Chi phí nhân viên quản lý	9.190.857.409	7.303.067.504
Các khoản khác	3.083.247.953	4.396.957.927
- Chi phí khấu hao	363.660.000	435.660.000
- Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	228.537.013	10.512.838
- Chi phí khác	2.491.050.940	3.950.785.089
Cộng	13.073.358.054	13.076.957.182

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.352.740.550	9.872.024.703
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(175.466.667)	(133.201.667)
- Điều chỉnh tăng (Các chi phí không hợp lý, hợp lệ)	704.283.334	852.663.333
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	879.750.000	985.865.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.177.273.883	9.738.823.036
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	635.454.777	1.947.764.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.717.285.773	7.924.260.096
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(396.213.005)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	396.213.005
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.717.285.773	7.528.047.091
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (@)	583	1.616

(@) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa có các khoản giảm trừ (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 không quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ và mức thù lao này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

(@) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 25/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2026 và được tính theo tỷ lệ lợi nhuận thực hiện 6 tháng đầu năm trên lợi nhuận cả năm 2025, cụ thể như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.924.260.096	7.924.260.096
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(396.213.005)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	396.213.005
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.924.260.096	7.528.047.091
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.701	1.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.393.050.138	8.572.650.178
Chi phí nhân công	18.315.000.817	14.584.594.203
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.832.000	760.362.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.317.993.428	69.317.223.470
Chi phí khác bằng tiền	10.742.041.289	15.750.671.045
Giá mua hàng hóa	181.693.834.345	161.898.311.537
Cộng	255.178.752.017	270.883.812.433

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu và thuê in gia công từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc biến động giá đầu vào. Nhà cung cấp là Nhà Xuất bản Giáo dục và các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	180.374.110.839	-	180.374.110.839
Chi phí phải trả	42.000.526.110	-	42.000.526.110
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	1.745.000	-	1.745.000
Phải trả khác	13.389.650	-	13.389.650
Cộng	222.389.771.599	-	222.389.771.599

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	62.470.603.722	-	62.470.603.722
Chi phí phải trả	23.725.899.306	-	23.725.899.306
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	320.000	-	320.000
Phải trả khác	444.650	-	444.650
Cộng	86.197.267.678	-	86.197.267.678

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.610.648.521	-	35.610.648.521
Đầu tư tài chính	4.043.100.000	1.080.000.000	5.123.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.077.873.972	-	22.077.873.972
Phải thu khách hàng	220.629.116.579	-	220.629.116.579
Cộng	282.360.739.072	1.080.000.000	283.440.739.072

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.288.110.645	-	21.288.110.645
Đầu tư tài chính	4.068.600.000	1.350.000.000	5.418.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.014.936.986	-	2.014.936.986
Phải thu khách hàng	110.710.995.957	-	110.710.995.957
Cộng	138.082.643.588	1.350.000.000	139.432.643.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

34. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên):

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Thừa Thiên Huế	Chung công ty đầu tư
Công Ty Cổ Phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kon Tum	Chung công ty đầu tư
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông	Chung công ty đầu tư
Công nghệ Giáo dục	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức đã trả	3.112.500.000	4.150.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	32.542.857	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua hàng hóa, dịch vụ	134.959.167.986	156.011.793.164
	- Mua sách	130.690.013.800	148.803.559.120
	- Phí QLXB, tem	4.269.154.186	7.208.234.044
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách, thiết bị)	1.055.785.309	1.240.962.524
	Cổ tức đã nhận	21.000.000	21.000.000
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	Mua dịch vụ (in sách)	167.947.540	7.029.800.615
	Cổ tức đã nhận	330.000.000	264.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	-	6.938.469.326
	Cổ tức đã nhận	50.000.000	110.000.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ (phí QLXB)	700.150.000	371.700.000
Công ty CP In - Phát hành sách & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Mua dịch vụ (in sách)	288.307.979	7.194.777.378
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	262.636.300	191.223.960
	Cổ tức đã nhận	461.250.000	369.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	436.117.260	403.029.900
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	4.537.254.680	4.738.342.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	31.410.905.276	516.915.846
	Mua dịch vụ (phí TCBT)	6.712.517.306	28.135.668.955
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	4.511.744.560	6.396.012.170
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	-	728.509.080
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	-	7.623.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Cổ tức đã nhận	-	204.365.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	9.360.000	23.400.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	80.547.500	193.952.000
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Cổ tức đã nhận	17.500.000	17.500.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua hàng hóa, dịch vụ (mua sách)	905.580.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

		6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao Hội đồng quản trị		131.555.545	98.333.328
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	28.777.775	12.111.110
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch đến ngày 18/04/2025	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Phó Chủ tịch	28.777.775	21.111.110
Ông Ông Thừa Phú	Thành viên	24.333.332	15.888.888
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	25.333.332	15.888.888
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Thành viên từ ngày 24/03/2023	24.333.331	15.888.888
Ông Hoàng Quốc Hiệp	Thư ký	-	5.444.444
Thù lao Ban Kiểm soát		35.444.447	20.722.224
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Trưởng BKS từ ngày 18/04/2025	15.444.445	6.555.556
Ông Trần Công Thanh	Trưởng BKS đến ngày 18/04/2025	-	4.500.000
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên BKS	10.000.001	4.833.334
Ông Phạm Minh Nhật	Thành viên BKS	10.000.001	4.833.334
Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách		-	-
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	360.710.000	101.000.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng		1.466.248.000	1.664.417.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Chi tiêu	31/12/2025	01/01/2026 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Tương đương tiền	17.900.000.000	17.903.072.603	3.072.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	2.000.000.000	2.014.936.986	14.936.986
Phải thu ngắn hạn khác	857.761.559	839.751.970	(18.009.589)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	320.000	320.000
Phải trả ngắn hạn khác	55.721.416	55.401.416	(320.000)

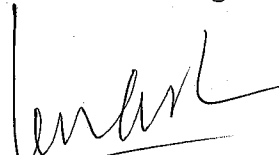
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
—
GIÁO DỤC
ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

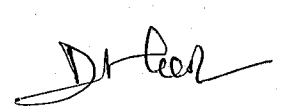
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền